

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày: 30 tháng 06 năm 2023
 (Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,618,725,614,734	2,791,425,977,259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28,621,048,826	23,656,927,726
1. Tiền	111		28,621,048,826	22,856,927,726
2. Các khoản tương đương tiền	112			800,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		192,340,000,000	348,350,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	192,340,000,000	348,350,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		561,731,428,679	571,499,953,710
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	539,494,555,217	579,958,223,908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46,895,379,363	9,042,241,325
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1,000,000,000	3,100,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	13,066,403,590	12,527,106,959
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(41,422,789,017)	(35,825,498,008)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	2,697,879,526	2,697,879,526
IV. Hàng tồn kho	140		1,742,324,816,266	1,776,125,276,090
1. Hàng tồn kho	141	V.9	1,752,931,956,405	1,784,819,853,659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.9	(10,607,140,139)	(8,694,577,569)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93,708,320,963	71,793,819,733
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8,661,985,873	11,433,226,721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85,046,335,090	60,360,593,012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1,853,786,433,366	1,875,652,771,966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,890,435,417	5,366,684,440
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	573,691,156	678,082,652
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	5,316,744,261	4,688,601,788
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			-
II. Tài sản cố định	220		477,692,419,181	486,115,152,602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	53,584,208,305	75,761,752,651
- Nguyên giá	222		477,447,761,307	492,531,906,874
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(423,863,553,002)	(416,770,154,223)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	74,873,718,567	58,114,354,931
- Nguyên giá	225		85,395,503,177	71,003,400,018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(10,521,784,610)	(12,889,045,087)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	349,234,492,309	352,239,045,020
- Nguyên giá	228		375,481,151,250	375,640,450,157
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(26,246,658,941)	(23,401,405,137)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		288,266,307,545	293,520,953,506
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	288,266,307,545	293,520,953,506

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,044,402,275,946	1,052,236,735,295
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	971,000,000,000	976,286,775,677
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69,240,000,000	69,240,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20,304,000,000	20,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2b	(16,141,724,054)	(13,594,040,382)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37,534,995,277	38,413,246,123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	37,534,995,277	38,413,246,123
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4,472,512,048,100	4,667,078,749,225
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,752,979,164,917	2,020,422,967,374
I. Nợ ngắn hạn	310		1,714,594,889,896	1,985,776,487,816
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	136,881,655,502	184,515,997,519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	16,070,174,980	14,638,801,078
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	242,940,090	82,234,567,748
4. Phải trả người lao động	314	V.18	23,378,228,794	26,543,600,991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	36,340,953,623	33,263,855,261
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		577,457,328	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	14,263,466,737	138,818,263,832
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,486,345,775,864	1,505,583,164,409
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	494,236,978	178,236,978
II. Nợ dài hạn	330		38,384,275,021	34,646,479,558
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	2,341,000,000	2,341,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	36,043,275,021	32,305,479,558
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	V.23	2,719,532,883,183	2,646,655,781,851
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,719,532,883,183	2,646,655,781,851
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		1,335,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,335,396,250,000	1,275,396,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,390,235,053,931	1,377,357,952,599
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,376,957,952,599	1,377,357,952,599
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,277,101,332	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4,472,512,048,100	4,667,078,749,225

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Cao Thị Kim Thơ

Nguyễn Hà Thu Diễm



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II/2023
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2023		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,187,686,206,273	1,577,489,024,840	2,457,186,946,775	2,975,322,914,364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16,505,789,250	9,913,267,057	17,412,039,752	10,065,959,384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,171,180,417,023	1,567,575,757,783	2,439,774,907,023	2,965,256,954,980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,170,730,235,525	1,264,144,023,835	2,339,706,866,261	2,412,322,412,309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		450,181,498	303,431,733,948	100,068,040,762	552,934,542,671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	31,904,488,689	15,223,143,219	86,404,816,708	25,993,522,119
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	31,879,958,447	18,015,712,245	59,163,501,467	33,103,279,667
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		26,705,649,282	16,416,705,174	50,521,013,015	29,599,903,817
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	39,227,046,082	97,778,020,214	91,161,594,752	185,225,588,472
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	17,676,926,675	35,387,042,049	29,531,847,304	44,921,847,955
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		(56,429,261,017)	167,474,102,659	6,615,913,947	315,677,348,696
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4,802,181,767	1,046,556,206	6,862,727,576	2,950,930,254
12. Chi phí khác	32	VI.9	956,344,547	583,730,502	972,170,291	583,777,134
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,845,837,220	462,825,704	5,890,557,285	2,367,153,120
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(52,583,423,797)	167,936,928,363	12,506,471,232	318,044,501,816
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	(4,218,187,480)	32,489,944,035	(770,630,100)	58,136,120,029
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		(48,365,236,317)	135,446,984,328	13,277,101,332	259,908,381,787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				-	-

Người lập biểu



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023



Trần Minh Cảnh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)
Quý II/2023
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,181,554,667,777	2,511,146,792,341
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,055,342,508,339)	(1,997,967,670,829)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(142,148,907,093)	(117,986,661,371)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(49,065,571,224)	(17,501,678,948)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(81,254,926,605)	(11,066,069,362)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28,699,545,788	25,649,656,548
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38,175,062,881)	(36,442,233,736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(155,732,762,577)	355,832,134,643
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9,479,206,157)	(183,703,986,344)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21,330,780,203	1,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(178,810,000,000)	(824,270,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		334,820,000,000	638,996,559,279
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(79,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84,238,311,538	17,483,820,319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		261,099,885,584	(430,492,606,746)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		60,000,000,000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		1,876,923,577,981	2,014,234,943,722
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,905,243,166,547)	(1,776,414,632,407)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(10,168,868,554)	(10,284,854,310)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(121,006,757,225)	(149,005,090,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(99,495,214,345)	78,530,366,255
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		5,871,908,662	3,869,894,152
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	23,656,927,726	5,398,083,667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(907,787,562)	(426,851,958)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	28,621,048,826	8,841,125,861

Người lập



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023 (Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	-	-	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Lô A4, KCN Thốt Nốt, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong kỳ, công ty con là Công ty TNHH MTV Bất Động Sản đã làm thủ tục giải thể.

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Lô A4 Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 05 - 16 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	192.433.072	178.644.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.428.615.754	21.978.282.990
Tiền đang chuyển	-	700.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	800.000.000
Cộng	28.621.048.826	23.656.927.726

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 178.340.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam đồng thời được dùng để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú (Xem thuyết minh V.21)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	971.000.000.000	(237.938.637)	976.286.775.677	(203.363.319)
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	-	540.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu Cơ Nam Việt ^(vi)	5.000.000.000	(237.938.637)	5.000.000.000	(141.626.647)
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	-	-	9.000.000.000	(61.736.672)
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt ^(vii)	200.000.000.000	-	196.286.775.677	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	69.240.000.000	(2.227.601.972)	69.240.000.000	(238.548.700)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(viii)	69.240.000.000	(2.227.601.972)	69.240.000.000	(238.548.700)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	(13.676.183.445)	20.304.000.000	(13.152.128.363)
Công ty Cổ phần Cromit Cỏ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.676.183.445)	20.304.000.000	(13.152.128.363)
Cộng	1.060.544.000.000	(16.141.724.054)	1.065.830.775.677	(13.594.040.382)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 08 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 29 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 ngày 20 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt (công ty con) chưa đi vào hoạt động, các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường. Và Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt đã làm thủ tục giải thể.

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt (công ty liên doanh) đã có doanh thu trong quý 2/2023.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	13.594.040.382	32.234.584.679
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	2.547.683.672	(19.626.548.170)
Số cuối kỳ	16.141.724.054	12.608.036.509

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	391.632.494.868	447.535.702.255
Bán nguyên vật liệu	70.034.847	43.354.940
Bán điện mặt trời	919.912.416	946.443.351
Chi phí gia công	200.278.808.940	253.922.051.370
Mua vật tư, nguyên liệu	182.238.510.335	148.883.918.791
Thuê tài sản hoạt động	-	4.825.000.000
Lợi nhuận được chia	17.500.000.000	-
Thu hộ	66.250.000	-
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú		
Bán nguyên liệu	575.487.777	484.795.393
Bán thành phẩm	42.000.000	259.878.199.050
Mua nguyên vật liệu	453.695.032.947	747.190.907.496
Chi hộ	25.113.750	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar		
Góp vốn	-	62.000.000.000
Doanh thu cho thuê	39.000.000	39.000.000
Bán vật tư, nguyên vật liệu	395.153	114.004
Mua điện	5.788.599.198	5.624.777.235
Mua vật tư, nguyên liệu	3.693.992	170.203.236
Lợi nhuận được chia	41.100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	39.000.000	39.000.000
Mua điện	-	36.092.546
Lợi nhuận được chia	7.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	39.000.000	39.000.000
Bán nguyên vật liệu	-	15.261.224
Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt		
Bán nguyên vật liệu	-	2.577.003
Mua vật tư, nguyên liệu	15.702.039	918.200
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt		
Góp vốn	-	9.000.000.000
Đi vay	-	8.700.000.000
Lãi vay	213.567.124	50.054.795
Mua tài sản	33.787.880	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt		
Góp vốn	3.713.224.323	196.286.775.677
Bán thành phẩm	87.141.526.000	17.821.905.000
Bán điện mặt trời	7.805.188	-
Doanh thu cho thuê	5.508.900.000	918.150.000
Bán nguyên vật liệu	329.408.409	130.042.203.178
Tiền điện	-	636.868.400
Phí sử dụng hạ tầng	36.066.467	-
Mua thức ăn	878.558.794.000	145.505.850.000
Mua vật tư, nguyên liệu	12.859.933.916	3.292.492.260
Chi hộ	10.357.373.214	-
Thu hộ	100.000.000	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Góp vốn	-	8.000.000.000
Doanh thu thi công công trình	5.813.840.604	22.499.030.000
Doanh thu cho thuê	168.387.097	192.000.000
Doanh thu bán thành phẩm	3.266.580.500	-
Doanh thu khác	3.049.080	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	261.541.900.306	229.235.652.450
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú	48.474.115.786	106.552.444.560
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt	209.306.652.854	117.626.117.694
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	3.761.131.666	5.057.090.196
Phải thu các khách hàng khác	277.952.654.911	350.722.571.458
Các khách hàng nước ngoài	240.914.111.341	345.511.556.750
Các khách hàng trong nước	37.038.543.570	5.211.014.708
Cộng	539.494.555.217	579.958.223.908
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	38.412.883.250	-
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú	30.126.342.851	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	8.286.540.399	-
Trả trước cho các người bán khác	8.482.496.113	9.042.241.325
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.291.536.640	-
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	4.817.548.624	3.515.518.706
Các nhà cung cấp trong nước khác	2.373.410.849	5.526.722.619
Cộng	46.895.379.363	9.042.241.325

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Ông Lê Văn Bì vay	-	300.000.000
Cho Ông Lê Văn Biệt vay	-	500.000.000
Cho Ông Trương Hồng Tư vay	-	1.000.000.000
Cho Ông Nguyễn Văn Thắng vay	-	300.000.000
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành vay	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	3.100.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.893.575.000	-	314.818.200	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	-	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt – Chi hộ	2.893.575.000	-	14.818.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.172.828.590	(671.114.185)	12.212.288.759	(670.569.601)
Tạm ứng	4.403.393.504	(671.114.185)	3.061.373.619	(670.569.601)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.796.020.161	-	5.686.424.768	-
Tiền lãi cho vay	81.748.894	-	169.043.729	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.891.666.031	-	3.294.946.643	-
Cộng	13.066.403.590	(671.114.185)	12.527.106.959	(670.569.601)

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		60.354.977.582		62.812.994.482
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.770.113.100	1.239.079.170	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	15.286.411.800	7.643.205.900	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	55.201.267.400
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	35.736.725.600	10.721.017.680	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	191.441.250
Quá hạn trên 03 năm	7.561.727.082	-	Quá hạn trên 03 năm	7.420.285.832
Phải thu khác	958.734.550	287.620.365	958.734.550	288.164.949
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.722.920
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	958.734.550	287.620.365	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	956.011.630
Cộng	61.313.712.132	19.890.923.115	63.771.729.032	27.946.231.024

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	35.825.498.008	14.603.592.372
Trích lập dự phòng bổ sung	5.597.291.009	21.149.515.990
Số cuối kỳ	<u>41.422.789.017</u>	<u>35.753.108.362</u>

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của vùng nuôi Nam Việt do ảnh hưởng của sạt lở đất đang chờ xử lý

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.350.600.000	-	3.634.500.000	-
Hàng hóa	-	-	1.077.445.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	345.169.632.245	-	248.499.787.451	-
Công cụ, dụng cụ	1.566.545.876	-	1.714.848.469	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	481.656.203.715	-	622.279.200.333	-
Thành phẩm	920.339.361.078	(10.607.140.139)	907.614.072.406	(8.694.577.569)
Hàng gửi đi bán	849.613.491	-	-	-
Cộng	<u>1.752.931.956.405</u>	<u>(10.607.140.139)</u>	<u>1.784.819.853.659</u>	<u>(8.694.577.569)</u>

Hàng tồn kho có trị giá 357.539.454.704 VND (số đầu năm là 124.153.522.938 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	8.694.577.569	3.583.041.303
Trích lập dự phòng bổ sung	2.108.160.443	2.815.140.073
Giảm do hủy hàng hóa kém phẩm chất	(195.597.873)	-
Số cuối kỳ	<u>10.607.140.139</u>	<u>6.398.181.376</u>

10. Chi phí trả trước

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	146.666.667	586.666.668
Công cụ, dụng cụ	2.324.313.331	3.285.482.663
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.191.005.875	7.561.077.390
Cộng	<u>8.661.985.873</u>	<u>11.433.226.721</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	25.992.608.874	26.449.956.828
Chi phí sửa chữa	6.931.463.503	6.772.407.707
Công cụ, dụng cụ	280.180.225	398.619.239
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.330.742.675	4.792.262.349
Cộng	<u>37.534.995.277</u>	<u>38.413.246.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	112.645.720.886	297.188.910.254	36.084.973.505	5.699.533.127	40.912.769.102	492.531.906.874
Mua trong kỳ	-	1.635.915.430	165.000.000	73.287.880	228.000.000	2.102.203.310
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	191.440.325	434.023.865	646.110.086	-	3.070.781.255	4.342.355.531
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	15.561.327.018	-	-	-	15.561.327.018
Thanh lý, nhượng bán	-	(36.671.907.616)	(418.123.810)	-	-	(37.090.031.426)
Số cuối kỳ	112.837.161.211	278.148.268.951	36.477.959.781	5.772.821.007	44.211.550.357	477.447.761.307

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	86.541.621.450	230.174.818.899	16.931.032.721	4.362.026.873	20.323.694.136	358.333.194.079
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	102.666.498.537	253.588.399.322	26.538.975.789	4.685.212.309	29.291.068.266	416.770.154.223
Khấu hao trong kỳ	1.056.974.588	3.186.311.496	1.760.466.919	169.560.378	2.339.473.453	8.512.786.834
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	8.423.818.195	-	-	-	8.423.818.195
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.425.082.440)	(418.123.810)	-	-	(9.843.206.250)
Số cuối kỳ	103.723.473.125	255.773.446.573	27.881.318.898	4.854.772.687	31.630.541.719	423.863.553.002

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9.979.222.349	43.600.510.932	9.545.997.716	1.014.320.818	11.621.700.836	75.761.752.651
Số cuối kỳ	9.113.688.086	22.374.822.378	8.596.640.883	918.048.320	12.581.008.638	53.584.208.305

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	71.003.400.018	12.889.045.087	58.114.354.931
Thuê tài chính trong kỳ	29.953.430.177	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(15.561.327.018)	(8.423.818.195)	-
Khấu hao trong kỳ	-	6.056.557.718	-
Số cuối kỳ	85.395.503.177	10.521.784.610	74.873.718.567

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	375.359.459.157	280.991.000	375.640.450.157
Mua trong kỳ	23.540.300	-	23.540.300
Giảm do nhà nước thu hồi	(182.839.207)		(182.839.207)
Số cuối kỳ	375.200.160.250	280.991.000	375.481.151.250
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	23.120.414.137	280.991.000	23.401.405.137
Khấu hao trong kỳ	2.845.253.804	-	2.845.253.804
Số cuối kỳ	25.965.667.941	280.991.000	26.246.658.941
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	352.239.045.020	-	352.239.045.020
Số cuối kỳ	349.234.492.309	-	349.234.492.309
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 109.448.041.887 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	73.500.000.000	1.004.688.890	(1.004.688.890)	-	73.500.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	217.771.836.696	2.648.309.119	(4.342.355.531)	(1.623.669.412)	214.454.120.872
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	209.474.062.654	-	-	-	209.474.062.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	5.050.491.501	1.838.157.393	(3.262.221.580)	(991.203.025)	2.635.224.289
Nhà máy đông lạnh thủy sản	-	596.338.180	-	-	596.338.180
Các hạng mục khác	3.247.282.541	213.813.546	(1.080.133.951)	(632.466.387)	1.748.495.749
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.249.116.810	1.092.194.475	-	(3.029.124.612)	312.186.673
Cộng	293.520.953.506	4.745.192.484	(5.347.044.421)	(4.652.794.024)	288.266.307.545

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	61.782.684.338	84.065.765.286
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	20.717.242.043	41.076.016.887
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	1.051.442.295	966.595.533
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	2.016.152.866
Công ty TNHH TM DV Navifeed	14.000.000	7.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	75.098.971.164	100.450.232.233
Các nhà cung cấp trong nước	52.170.392.393	79.419.127.431
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	16.665.709.335	12.991.154.738
Các nhà cung cấp nước ngoài	6.262.869.436	8.039.950.064
Cộng	136.881.655.502	184.515.997.519

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	8.210.903.105	5.633.405.445
Các khách hàng nước ngoài	7.859.271.875	9.005.395.633
Cộng	16.070.174.980	14.638.801.078

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	432.915.161	(432.915.161)	-
Thuế nhập khẩu	-	68.546.604	(68.546.604)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.025.556.705	(770.630.100)	(81.254.926.605)	-
Thuế thu nhập cá nhân	207.020.643	7.611.388.975	(7.577.125.208)	241.284.410
Thuế tài nguyên	1.990.400	14.903.360	(15.238.080)	1.655.680
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	82.234.567.748	7.361.124.000	(89.352.751.658)	242.940.090

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.506.471.232	318.044.501.816
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.483.345.566	120.356.810.976
- Các khoản điều chỉnh giảm	(901.122.979)	(115.793.604.114)
Thu nhập chịu thuế	19.088.693.819	322.607.708.678
Thu nhập được miễn thuế	(70.400.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	(51.311.306.181)	322.607.708.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	59.395.370.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-	(413.942.066)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	(770.630.100)	(845.307.979)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	(770.630.100)	58.136.120.029

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	29.819.185.323	25.137.029.316
Doãn Tới - Chi phí lãi vay phải trả	29.819.185.323	25.137.029.316
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.521.768.300	8.126.825.945
Chi phí lãi vay	1.626.435.386	2.686.856.680
Chi phí cước tàu	1.359.395.000	1.141.900.000
Chi phí hoa hồng môi giới	3.226.537.914	3.376.799.815
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	309.400.000	921.269.450
Cộng	36.340.953.623	33.263.855.261

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	93.146.993.000
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	-	71.805.000.000
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	-	17.160.000.000
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	-	4.159.999.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Cổ tức phải trả	-	19.000.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Cổ tức phải trả	-	2.500.000
Bà Dương Thị Kim Loan - Cổ tức phải trả	-	50.000
Ông Dương Minh Phong - Cổ tức phải trả	-	444.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.263.466.737	45.671.270.832
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí công đoàn	6.119.976.898	4.610.354.113
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.485.530.000	2.267.430.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.030.573.397	35.977.053.898
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.627.386.442	2.816.432.821
Cộng	14.263.466.737	138.818.263.832

20b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	46.011.223.400	255.416.473.400
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	46.011.223.400	246.716.473.400
Vay Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	-	8.700.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân	1.440.334.552.464	1.250.166.691.009
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.420.235.512.704	1.237.439.793.662
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	537.831.482.744	455.041.023.227
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Hà Nội	-	31.200.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	216.458.710.391	201.745.582.976
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(d)	38.970.556.047	120.582.896.092
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(e)	116.183.284.294	264.454.305.053
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam ^(f)	42.864.735.000	57.003.100.000
Vay Ngân hàng TNHH CTBC	-	60.457.146.314
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ^(g)	13.885.675.000	46.955.740.000
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội ^(h)	145.571.884.519	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽ⁱ⁾	54.109.972.350	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(j)	93.552.381.767	-
Vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad ^(k)	160.806.830.592	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.086.000.000	2.266.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	19.013.039.760	10.460.897.347
Cộng	1.486.345.775.864	1.505.583.164.409

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đoàn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) của Công ty
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (k) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.237.439.793.662	1.876.363.577.981	-	1.158.716.538	(1.694.726.575.477)	1.420.235.512.704
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.966.000.000	560.000.000	-	-	(10.440.000.000)	1.086.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	246.716.473.400	-	-	-	(200.705.250.000)	46.011.223.400
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.460.897.347	-	14.690.335.158	-	(6.138.192.745)	19.013.039.760
Cộng	1.505.583.164.409	1.876.923.577.981	14.690.335.158	1.158.716.538	(1.912.010.018.222)	1.486.345.775.864

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	2.410.000.000	2.410.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt ⁽ⁱ⁾	2.410.000.000	2.410.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	33.633.275.021	29.895.479.558
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000	200.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	33.433.275.021	29.695.479.558
<i>Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	<i>9.307.000.010</i>	<i>11.168.400.008</i>
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	<i>4.254.698.143</i>	<i>5.078.188.111</i>
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	<i>12.361.037.976</i>	<i>1.085.620.244</i>
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	<i>7.510.538.892</i>	<i>12.363.271.195</i>
Cộng	36.043.275.021	32.305.479.558

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 60 tháng.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn tổ chức khác	2.410.000.000	-	2.410.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	200.000.000	-
Nợ thuê tài chính	52.446.314.781	19.013.039.760	33.433.275.021	-
Cộng	55.056.314.781	19.013.039.760	36.043.275.021	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn tổ chức khác	2.410.000.000	-	2.410.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	40.156.376.905	10.460.897.347	29.695.479.558	-
Cộng	42.766.376.905	10.460.897.347	32.105.479.558	200.000.000

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn tổ chức khác	2.410.000.000	-	-	-	2.410.000.000
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	29.695.479.558	30.152.014.074	(11.723.883.453)	(14.690.335.158)	33.433.275.021
Cộng	32.305.479.558	30.152.014.074	(11.723.883.453)	(14.690.335.158)	36.043.275.021

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	14.605.818	400.000.000	(84.000.000)	330.605.818
Cộng	178.236.978	400.000.000	(84.000.000)	494.236.978

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	41.599.990.000	41.599.990.000
Các cổ đông khác	400.028.760.000	340.028.760.000
Cộng	1.331.278.750.000	1.271.278.750.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	133.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	133.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	133.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	402.874,13	790.887,44
Euro (EUR)	5.052,16	1.953,96
Dollar Úc (AUD)	468,36	715,12
Rub Nga (RUB)	6.445,47	962,47

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.429.462,13	182.038.120.299	9.429.462,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		20.833.538.351		20.833.538.351
Cộng		202.871.658.650		202.871.658.650

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.177.428.407.976	1.411.845.013.481
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.920.548.648	2.874.088.567
Doanh thu thi công công trình xây lắp	816.096.982	22.499.030.000
Doanh thu khác	6.521.152.667	140.270.892.792
Cộng	1.187.686.206.273	1.577.489.024.840

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu khác	61.171.546	53.340.000
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	1.392.300.354	1.188.781.510
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu khác	-	140.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Hàng bán bị trả lại	10.542.286.623	8.554.316.518
Giảm giá hàng bán	5.963.502.627	1.358.950.539
Cộng	<u>16.505.789.250</u>	<u>9.913.267.057</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.163.856.583.933	1.118.333.674.125
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	848.086.352	635.320.703
Giá vốn thi công công trình xây lắp	919.758.349	5.687.459.831
Giá vốn khác	2.997.646.448	136.672.429.103
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.108.160.443	2.815.140.073
Cộng	<u>1.170.730.235.525</u>	<u>1.264.144.023.835</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.018.437.760	9.780.811.931
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.106.790	2.101.422
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.650.000.000	-
Lãi tiền cho vay	75.990.571	51.898.625
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.082.333.041	5.137.144.191
Lãi bán hàng trả chậm	39.376.718	198.739.724
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.243.809	52.447.326
Cộng	<u>31.904.488.689</u>	<u>15.223.143.219</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Chi phí lãi vay	26.705.649.282	16.416.705.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.808.446.100	9.418.753.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	589.937.687	11.806.801.408
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá tổn thất đầu tư tài chính	2.703.194.378	(19.626.548.170)
Chi phí tài chính khác	72.731.000	-
Cộng	<u>31.879.958.447</u>	<u>18.015.712.245</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Chi phí cho nhân viên	1.655.930.821	1.830.490.727
Chi phí vật liệu, bao bì	58.186.070	30.740.854
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	148.335.074	26.445.758
Chi phí hoa hồng	9.886.530.070	13.011.937.697
Chi phí vận chuyển	16.696.549.998	71.575.010.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.933.343.025	10.995.275.690
Các chi phí khác	848.171.024	308.118.771
Cộng	<u>39.227.046.082</u>	<u>97.778.020.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Chi phí cho nhân viên	6.690.496.832	7.996.352.002
Chi phí vật liệu quản lý	278.573.644	537.695.988
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.264.048	352.445.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.175.630.229	690.823.203
Thuế, phí và lệ phí	883.713.033	1.216.325.943
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.597.291.009	21.149.515.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.591.605	904.158.471
Các chi phí khác	1.802.366.275	2.539.724.924
Cộng	<u>17.676.926.675</u>	<u>35.387.042.049</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.909.091	51.835.017
Thu từ bồi thường	85.300.295	848.758.250
Xử lý kiểm kê thừa	3.518.840.250	-
Xử lý công nợ tồn lâu	976.807.531	-
Thu nhập khác	180.324.600	145.962.939
Cộng	<u>4.802.181.767</u>	<u>1.046.556.206</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý II-2023</u>	<u>Quý II-2022</u>
Thuế VAT bị truy thu	-	18.467.816
Tiền lãi do chậm nộp thuế TNDN	945.620.434	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	5.000.000	-
Chi phí khác	5.724.113	565.262.686
Cộng	<u>956.344.547</u>	<u>583.730.502</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	-	149.000.000.000
Lãi vay	4.682.156.007	11.766.388.552
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	2.941.100.000	364.857.574
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Mua đất	-	110.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	-	771.637.000
Ông Doãn Quốc Hội		
Cho vay	-	700.000.000
Lãi cho vay	-	8.189.041

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thu hộ	-	2.956.116.598
Thuê kho	15.290.794.692	1.420.000.000
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	202.822.740	70.325.301
Tiền điện	11.486.719.822	624.953.432
Mua vật tư	31.836.580	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Mua dịch vụ khác	38.181.816	40.090.908

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xã Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.13).

Công ty thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo hợp đồng của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (xem thuyết minh số V.2).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý II-2023	Quý II-2022
Xuất khẩu	608.398.320.869	787.882.119.621
Trong nước	562.782.096.154	779.693.638.162
Cộng	1.171.180.417.023	1.567.575.757.783

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu chiếm tỷ lệ 99% (cùng kỳ năm trước 94%)

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023



Cao Thị Kim Thơ
Người lập biểu



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	907.090.705.798	2.176.388.535.050
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	259.908.381.787	259.908.381.787
Số dư cuối kỳ trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.166.999.087.585	2.436.296.916.837
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.377.357.952.599	2.646.655.781.851
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	13.277.101.332	13.277.101.332
Trích lập các quỹ	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ này	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.390.235.053.931	2.719.532.883.183


Cao Thị Kim Thơ
Người lập


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Số : 1304 /CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 19 tháng 07 năm 2023

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
Công ty mẹ quý II/2023 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý II/2023 lỗ 48,36 tỷ đồng, giảm 183,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần quý II/2023 đạt 1.171 tỷ đồng, giảm 25,3% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng chiến tranh, lạm phát, và nhu cầu các nước nhập khẩu giảm làm giá bán giảm mạnh, dẫn đến lợi nhuận gộp quý II/2023 giảm 303 tỷ so với cùng kỳ năm trước.
- Bên cạnh đó, Doanh thu tài chính tăng 16,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do công ty mẹ nhận được lợi nhuận từ công ty con chuyển về và chi phí tài chính tăng 13,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Nhu trên
- Ban TGD
- Lưu VT



Trần Minh Cảnh